

công ty và liên hiệp xí nghiệp đó coi là tổ chức hạch toán cấp trên, không phải là đơn vị cơ sở và sẽ được áp dụng chế độ trích lập quỹ theo điều lệ liên hiệp xí nghiệp; tạm thời, Bộ chủ quản thỏa thuận với Bộ Tài chính để áp dụng mức thưởng thích hợp theo nguyên tắc mức thưởng cho tổ chức hạch toán cấp trên không được cao hơn mức thưởng phổ biến bình quân đầu người của các đơn vị cơ sở trực thuộc.

Đối với các đơn vị sự nghiệp kinh tế hoặc đơn vị sản xuất kinh doanh mới có dự toán thu chi ngân sách mà chưa được xét duyệt, công nhận chuyển sang chế độ hạch toán kinh tế thì không áp dụng chế độ này mà áp dụng theo quy định của nghị định số 80-CP ngày 13-5-1964 của Hội đồng Chính phủ về khen thưởng thi đua.

Căn cứ vào quy định hiện hành và những quy định mới bổ sung trong thông tư của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính hệ thống hóa bằng văn bản thống nhất này để hướng dẫn chi tiết việc thi hành trong cả nước, bắt đầu thống nhất thi hành ngay vào việc trích lập các quỹ xí nghiệp năm 1977.

Những quy định trước đây của Bộ Tài chính trong các thông tư số 14-TC/CNXD ngày 1-8-1974 (a), số 10-TC/TNGT ngày 29-4-1975 và số 7-TC/NLTL ngày 20-4-1976 trái với thông tư này, đều bãi bỏ.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 1978
K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thư trưởng
VÕ TRÍ CAO

(a) Xem Công báo 1974 - số 13 - trang 183.

THÔNG TƯ số 6-TC/TQD ngày 1-4-1978
hướng dẫn thi hành việc bãi bỏ
4 khoản thu của ngân sách địa
phương về khuyến khích giao nộp
nông sản, thực phẩm, hàng công
ng nghiệp do trung ương giao cho địa
phương, lãi ngân hàng và chênh
lệch hàng bán hai giá.

Căn cứ vào nghị quyết của Thường vụ Hội đồng Chính phủ trong phiên họp ngày 17-3-1977

và ngày 23-3-1977 (thông báo số 15-TB ngày 12-4-1977 của Thủ tướng) bãi bỏ 4 khoản thu của ngân sách địa phương về khuyến khích giao nộp nông sản, thực phẩm, hàng công nghiệp do trung ương giao cho địa phương, lãi ngân hàng và chênh lệch hàng bán hai giá (xe đạp, phụ tùng xe đạp, v.v...) nên từ ngày 1 tháng 7 năm 1977 trở đi, trong cân đối thu của ngân sách các tỉnh, thành phố, Bộ Tài chính không còn tính các khoản thu nói trên. Nhưng qua tình hình thực hiện ở các tỉnh, thành phố, việc thi hành chưa thật thống nhất, nhất là đối với khoản thu khuyến khích giao nộp nông sản, thực phẩm. Nay Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành cụ thể như sau:

1. Đối với khoản thu về lãi ngân hàng và 4% hàng công nghệ phẩm.

Theo chế độ phân cấp quản lý ngân sách mới trong cân đối ngân sách các địa phương không còn khoản thu về 4% hàng công nghệ phẩm do ngân sách trung ương chuyển về nữa.

Ngân hàng Nhà nước là ngành quản lý tập trung thống nhất toàn ngành nên các khoản lãi của ngành ngân hàng do Ngân hàng trung ương nộp thống nhất vào ngân sách trung ương. Do đó ngân sách địa phương không còn khoản thu này.

2. Về khoản thu chênh lệch giá hàng bán hai giá (xe đạp, phụ tùng xe đạp và một số mặt hàng khác thực hiện theo phương thức bán hai giá).

Một số mặt hàng công nghiệp tiêu dùng có chênh lệch giá do được bán theo hai giá (giá bán cung cấp và giá bán lẻ tự do), số chênh lệch giá này thường phát sinh ở các xí nghiệp thương nghiệp bán lẻ.

Kể từ 1 tháng 1 năm 1978, các xí nghiệp thương nghiệp bán lẻ những mặt hàng theo hai giá nói trên đều phải nộp số chênh lệch giá đó vào ngân sách trung ương (ghi vào loại II, khoản 47, hạng 2).

3. Về khoản thu khuyến khích giao nộp nông sản, thực phẩm.

Đề bảo đảm thống nhất giá mua, bán sản phẩm hàng hóa của các đơn vị kinh tế trung ương cũng

09633491

36156684

Tel: +84-4-36156684

www.ThuVienPhapLuat.com

LawSifu

như kinh tế địa phương theo một giá chỉ đạo thu mua thống nhất của Nhà nước, thúc đẩy tạo ra nhiều thu nhập thuần túy để đóng góp được nhiều hơn vào ngân sách chung của Nhà nước. Thường vụ Hội đồng Chính phủ đã bãi bỏ khoản thu khuyến khích giao nộp nông sản, thực phẩm của ngân sách địa phương.

Như vậy, các tổ chức kinh tế quốc doanh: các xí nghiệp thương nghiệp của ngành nội thương, ngoại thương, hải sản, y tế (dược liệu), các xí nghiệp công nghiệp thuộc trung ương quản lý mua các loại nông sản, thực phẩm (theo danh mục có ghi ở điều 1 quyết định số 255-CP của Hội đồng Chính phủ ngày 29-12-1969) không còn phải nộp khoản thu về khuyến khích giao nộp nông sản thực phẩm cho ngân sách địa phương nữa. Các xí nghiệp quốc doanh các tỉnh, thành phố được thu mua nông sản, thực phẩm theo kế hoạch Nhà nước ở các tỉnh, thành khác cũng không phải nộp khoản thu nói trên cho các tỉnh, thành phố có nông sản, thực phẩm cung cấp cho các xí nghiệp đó nữa.

Do bãi bỏ khoản thu trên đây của ngân sách địa phương, giá giao dịch thay đổi như sau:

a) Các xí nghiệp thương nghiệp cấp II làm nhiệm vụ thu mua, các công ty kinh doanh hàng xuất khẩu địa phương, các công ty dược phẩm cấp II (thu mua dược liệu...), các công ty hải sản cấp II, v.v..., khi giao hàng nông sản, thực phẩm, hải sản, dược liệu cho các đơn vị, các ngành của trung ương hay các địa phương khác phải thanh toán theo giá giao mới. Giá giao mới bằng giá chỉ đạo thu mua của Nhà nước cộng (+) chi phí thu mua định mức và lợi nhuận định mức của xí nghiệp thương nghiệp cấp II thu mua.

b) Các xí nghiệp nội thương cấp I kinh doanh hàng nông sản, thực phẩm, hải sản, dược phẩm qua các xí nghiệp thương nghiệp thu mua cấp II phải thanh toán theo giá giao mới như quy định ở điểm a trên đây. Khi các xí nghiệp thương nghiệp cấp I bán hàng ra vẫn giữ nguyên giá cũ (giá bán buôn thương nghiệp cấp I), tức là giá bán lẻ trừ (-) chiết khấu thương nghiệp cấp II tiêu thụ. Khoản chênh lệch giá phát sinh giữa giá bán buôn thương nghiệp cấp I với giá vốn (giá chỉ đạo do thu mua cộng (+) với chi

phí thu mua định mức và lợi nhuận định mức của xí nghiệp thương nghiệp cấp I và cấp II làm nhiệm vụ thu mua) đều nộp vào ngân sách trung ương.

Đối với các mặt hàng đang có khoản chênh lệch giá ngân sách phải cấp bù (như thịt lợn điều về trung ương...), nay căn cứ vào giá giao mới, các công ty thương nghiệp cấp I tính toán lại để điều chỉnh giảm mức bù chênh lệch giá đối với các mặt hàng đó.

c) Đối với các xí nghiệp ngoại thương cấp I mua hàng xuất khẩu là nông sản, thực phẩm cũng có sự thay đổi giá vốn. Khoản giảm giá vốn này được giải quyết điều chỉnh ở khâu thu hay bù chênh lệch ngoại thương.

d) Các xí nghiệp công nghiệp trung ương và địa phương có sử dụng nguyên liệu là nông sản, thực phẩm, v.v... ghi trong danh mục theo quyết định số 258-CP ngày 29-12-1969 của Hội đồng Chính phủ, do có thay đổi giá nguyên liệu đưa vào sản xuất, vì trong giá mua nguyên liệu nay không còn khoản thu khuyến khích giao nộp nông sản, thực phẩm nữa, làm cho giá thành tăng xuống. Các Sở, Ty tài chính phải cùng với các xí nghiệp hoạt động trên lãnh thổ của mình tính toán lại giá thành mới và điều chỉnh lại mức thu nhập thuần túy phải nộp cho ngân sách Nhà nước. Nếu xí nghiệp nào đã áp dụng chế độ thu quốc doanh thì Bộ Tài chính (đối với xí nghiệp trung ương), Sở, Ty tài chính (đối với các xí nghiệp địa phương) sẽ cùng với các ngành hữu quan điều chỉnh lại mức thu quốc doanh. Các xí nghiệp khác nộp bổ sung dưới hình thức lợi nhuận. Số thu quốc doanh hoặc lợi nhuận nộp thêm vào ngân sách Nhà nước nói trên về nguyên tắc phải bảo đảm tương xứng với số giảm giá mua nguyên liệu do bãi bỏ khoản thu của ngân sách địa phương về khuyến khích giao nộp nông sản, thực phẩm.

đ) Từ sau ngày giải phóng, một số tỉnh ở phía Nam có vận dụng chế độ thu khuyến khích giao nộp nông sản, thực phẩm cho ngân sách địa phương dưới hình thức thuế xuất tỉnh v.v... nay đều bãi bỏ và phải thực hiện đúng các điểm đã hướng dẫn nói ở mục a, b, c, d nói trên.

Việc bãi bỏ khoản thu khuyến khích về giao nộp nông sản thực phẩm của ngân sách địa

phương nói trên phải được thi hành thống nhất từ ngày 1-4-1978 đối với tất cả các tỉnh và thành phố. Tỉnh nào trước ngày đó đã thu các khoản nói trên không đặt vấn đề điều chỉnh lại với các đơn vị đã nộp, nhưng phải báo cáo cụ thể các khoản thu đó với Bộ Tài chính để xét và giải quyết.

4. Bộ Tài chính đang đề nghị Thủ tướng Chính phủ có chế độ điều tiết mới đối với số thu quốc doanh, lợi nhuận của xí nghiệp quốc doanh trung ương và xí nghiệp quốc doanh địa phương thi hành từ năm 1978. Khi được Thủ tướng Chính phủ duyệt y, Bộ Tài chính sẽ hướng dẫn các địa phương tính toán lại ngân sách Nhà nước và ngân sách địa phương theo chế độ mới.

5. Các Sở, Ty tài chính có nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố triển khai cụ thể, cử ngay cán bộ tài chính cùng các ngành đi sát các đơn vị sản xuất, kinh doanh, nội thương, ngoại thương, v.v... trong tỉnh và thành phố thực hiện đúng các nội dung của thông tư này và báo cáo tình hình và kết quả thực hiện về Bộ trong tháng 4 năm 1978.

Các quy định trước đây trái với thông tư này đều bãi bỏ.

Hà Nội, ngày 1 tháng 4 năm 1978

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng
DUYÊN VĂN DẬT

**THÔNG TƯ số 7-TC/HD ngày 7-4-1978
về công tác kế toán và tài vụ trong
các xí nghiệp công tư hợp doanh.⁽¹⁾**

Thông tư này của Bộ Tài chính hướng dẫn những vấn đề quản lý tài chính và kế toán đối với các xí nghiệp công tư hợp doanh thuộc các ngành và các cấp như sau.

**I. YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÔNG TÁC KẾ TOÁN
VÀ TÀI VỤ TRONG CÁC XÍ NGHIỆP
CÔNG TƯ HỢP DOANH**

Các xí nghiệp công tư hợp doanh là những đơn vị kinh tế cơ sở được thành lập trong quá

trình cải tạo kinh tế tư bản tư nhân, theo chính sách hợp doanh của Đảng và Nhà nước.

Đây là hình thức đề động viên, thu hút về tài sản, kỹ thuật, tiền vốn của tư sản đi vào hợp doanh với Nhà nước nhằm đẩy mạnh sản xuất phát triển, nâng cao hiệu quả phục vụ, xóa bỏ phương thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa thực hiện phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Công tác quản lý tài chính và kế toán đối với các xí nghiệp công tư hợp doanh phải nhằm bảo đảm tốt những yêu cầu chủ yếu như sau :

1. Góp phần huy động được phần lớn tư liệu sản xuất, nguồn vốn và khả năng về kỹ thuật của các nhà tư sản vào sản xuất kinh doanh xác định đúng vốn hợp doanh, ngăn ngừa mọi sự mất mát hư hỏng, chống mọi biểu hiện tiêu cực gian lận trong việc khai báo tài sản, kỹ thuật, tiền vốn.

Khi xét sự cần thiết phải hợp doanh với một cơ sở sản xuất kinh doanh của một nhà tư sản, phải xét cụ thể giá trị và tác dụng của tài sản và tiền vốn đưa vào hợp doanh đối với sản xuất và kinh doanh. Nếu thấy không có tác dụng hoặc tác dụng quá ít thì phải coi lại chủ trương hợp doanh.

2. Khi đã hợp doanh rồi, phải quản lý chặt chẽ và phát huy mọi khả năng về tài sản, tiền vốn, kỹ thuật để sản xuất kinh doanh, đưa việc quản lý đi vào nề nếp, thực hiện hạch toán năng suất và hiệu quả phải hơn hẳn khi chưa hợp doanh.

II. NỘI DUNG CÔNG TÁC CỤ THỂ

Khi xét và tiến hành hợp doanh :

1. *Nghiên cứu bản kê khai về tài sản, tiền vốn, kỹ thuật*, năng lực sản xuất kinh doanh hoặc phục vụ của cơ sở hợp doanh, nghiên cứu sổ sách chứng từ và kiểm tra thực tế tình hình tài sản, tiền vốn và khả năng kỹ thuật của từng cơ sở ; đánh giá khả năng sản xuất kinh doanh

(1) Thi hành ở các tỉnh miền Nam.